

Bản án số: 30/2018/HS-ST

Ngày: 24/05/ 2018

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thế Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Kim Mỹ và ông Vũ Đức Bính.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Thành, thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Quang Toại, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 05 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 24/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Hồng H**, sinh năm 1972; giới tính: nam; nơi sinh: xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn C (Vũ Đình C - đã chết) và bà Trần Thị H (đã chết); có vợ Vũ Thị N; có 02 con.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

***- Người bị hại:*** bà Trần Thị N, sinh năm 1954 và ông Phạm Quang T, sinh năm 1951; đều cư trú tại: xóm 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Cả hai vắng mặt tại phiên tòa.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

+ Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1986 và ông Nguyễn Đức T1, sinh năm 1958; cùng cư trú tại số nhà 28, phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Cả hai vắng mặt tại phiên tòa.

+ Anh Vũ Quốc L, sinh năm 1983; nơi cư trú: xóm 14, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Chị Vũ Thị N, sinh năm 1973; nơi cư trú: xóm 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt tại phiên tòa.

+ Chị Phạm Thị T2, sinh năm 1991; nơi cư trú: xóm 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

**- Người làm chứng:**

+ Anh Ngô Văn Q, sinh năm 1980; nơi cư trú: xóm 10, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Chị Phạm Thị G, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Bà Trần Thị H1, sinh năm 1949; nơi cư trú: xóm 5, xã Đồng H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ ngày 11/01/2018, Vũ Hồng H đi bộ từ nhà quanh khu vực xóm 5, xã Đồng H quan sát xem nhà ai có sơ hở để trộm cắp tài sản kiếm tiền tiêu sài. Khi H đi đến nhà ông Phạm Quang T ở cùng ngõ nhà H thì thấy nhà khóa cổng, không có ai ở nhà, H liền đi vào ngõ nhà bà Trần Thị H1 ở phía Tây cạnh nhà ông T rồi trèo qua tường bao vào nhà ông T. Sau đó H đi ra khu vực phía sau nhà, quan sát thấy có 02 cửa sổ, H tiến đến cửa sổ buồng ở phía Đông dùng tay phải giật hai cánh cửa ra rồi giật chấn song sắt cuối cùng ở phía Tây, đẩy tấm tôn chấn cửa sổ xuống chui vào trong nhà. Khi vào trong nhà H tiến đến cửa buồng ở phía Đông, thấy cửa được buộc bằng dây thép nhưng bản lề đã hỏng nên dùng tay nhấc cánh cửa ra đi vào trong nhìn thấy góc tường phía tây có 01 hòm tôn, H lục tìm trong hòm thấy 01 hộp nhựa màu đỏ bên trong có 01 sợi dây chuyền có mặt dây hình bông hoa; 01 chiếc nhẫn đeo tay đính 01 viên đá màu đỏ; 01 chiếc nhẫn đính 03 viên đá màu trắng H bỏ chiếc hộp nhựa vào túi quần bên phải rồi quay ra, khi quay ra thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony C3 đang để trên giường kê ở phía nam thì cầm lấy bỏ vào túi bên phải. Khi ra H thấy chiếc giường ở phía Tây phòng khách có 1 học tử, H quay ra lấy chấn song cửa sổ vừa giật đến để bật học tử ra nhưng không có gì. Sau khi lấy được tài sản H theo lối cũ về nhà. Đến 15 giờ cùng ngày H đi xe mô tô BKS 35F9-9424 mang sợi dây chuyền, 02 chiếc nhẫn đến cửa hàng vàng bạc "Đ T" của ông Nguyễn Đức T1 ở số nhà 28 phố T, TT.P, huyện K bán cho anh Nguyễn Đức D là con trai ông T1 được 4.990.000đ, rồi mang chiếc điện thoại di động đến cửa hàng điện thoại "T L" ở xã H bán cho anh Vũ Quốc L là chủ cửa hàng được 600.000đ; trước khi bán H tháo sim điện thoại ra bỏ đôi rồi vứt ở cửa hàng; chiếc điện thoại anh L đã bán cho một người không quen biết với giá 800.000đ. Số tiền bán tài sản H trả nợ cho anh Ngô Văn Q ở xóm 10, xã A 4.000.000đ, tiêu xài cá nhân hết 740.000đ, còn lại 850.000đ.

Sau khi bị mất tài sản bà Trần Thị N vợ ông T đã có đơn trình báo lên cơ quan Công an. Cơ quan CSĐT-Công an huyện K đã triệu tập Vũ Hồng H lên làm việc tại đây H đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của mình và giao nộp 850.000đ, 01 xe mô tô BKS 35F9-9424

Tại bản kết luận giám định số 425/C54 ngày 29/01/2018 của Viện hoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát kết luận: 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng được chế tác dưới dạng các mắt xích gửi giám định có khối lượng 4,23 gam là vàng trang sức, hàm lượng vàng trung bình 72,12%; ngoài ra còn có bạc với hàm lượng trung bình 5,70%; đồng với hàm lượng trung bình 19,21%; kẽm với hàm lượng trung bình 2,97%. 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng được chế tác dưới dạng hình bông hoa có khối lượng 1,13 gam là vàng trang sức, hàm lượng vàng trung bình 66,83%; ngoài ra còn có bạc với hàm lượng trung bình 18,10%; đồng với hàm lượng trung bình 15,07%. 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có gắn 03 viên đá không màu có tổng khối lượng 1,69 gam gồm 02 phần, phần kim loại màu vàng có khối lượng 0,85 gam là vàng trang sức, hàm lượng vàng trung bình 64,98%; ngoài ra còn có bạc với hàm lượng trung bình 4,94%; đồng với hàm lượng trung bình 7,35%, kẽm với hàm lượng 22,73%, phần 03 viên đá không màu có tổng khối lượng 0,84 gam đều là đá Zirconia. 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có gắn 01 viên đá màu đỏ khối lượng 2,31 gam phần kim loại màu vàng có khối lượng 1,35 gam là vàng trang sức, hàm lượng vàng trung bình 54,25%; ngoài ra còn có bạc với hàm lượng trung bình 26,97%; đồng với hàm lượng trung bình 17,51% kẽm với hàm lượng trung bình 1,27%, phần viên đá màu đỏ có khối lượng 0,96 gam là đá Ruby tổng hợp. Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 08/HĐ-ĐG ngày 08/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài 45,5 cm, hai đầu có khóa gài hình tròn, dây được tạo bởi nhiều mắt xích nối với nhau, khối lượng 4,23 gam, hàm lượng vàng 72,12% có giá trị 2.948.310đ. 01 mặt dây chuyền bằng kim loại vàng hình bông hoa có khuyên đeo KT 15 x 24 mm, có khối lượng 1,13 gam, hàm lượng vàng 66,83% có giá trị là 731.110đ. 01 nhẫn đeo tay bằng kim loại vàng KT 18 x 19 x 04 mm, mặt trên nhẫn có đính 03 viên đá màu trắng, có khối lượng 0,85 gam, hàm lượng vàng 64,98% có giá trị 542.300đ. 01 nhẫn đeo tay bằng kim loại vàng KT 22 x 17 x 15 mm, mặt trong nhẫn có in chữ 18K, mặt trên nhẫn có đính 01 viên đá màu đỏ, có khối lượng 1,35 gam, hàm lượng vàng 54,25% có giá trị 715.500đ. 01 điện thoại di động Sony C3 màu trắng, điện thoại cũ đã qua sử dụng từ tháng 5/2015, chất lượng còn lại 40% có giá trị còn lại là 692.000đ. 03 viên đá Zirconia có tổng khối lượng 0,84 gam có giá trị là 60.000đ. 01 viên đá Ruby tổng hợp có khối lượng 0,96 gam có giá trị là 70.000đ. Tổng cộng số tiền là 5.759.220đ. Đối với học tử giường và cửa sổ bị hư hỏng trong quá trình thực hiện hành vi lấy tài sản của H giá trị không đáng kể, gia đình bà N không yêu cầu cơ quan điều tra không tiến hành định giá.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường thu giữ 01 thanh sắt ø18mm, dài 128cm; 01 mảnh gỗ KT 27 x 20 cm; 01 dao nạo KT 22 x 04 cm. Anh Nguyễn Đức D giao nộp 01 sợi dây chuyền, 02 chiếc nhẫn. Anh Vũ Quốc L giao nộp 01 sim điện thoại Viettel mà H đã bỏ gãy bỏ tại cửa hàng. Anh Ngô Văn Q giao nộp 4.000.000đ. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sony C3, sau khi mua được của H

anh L đã bán cho người khác, Cơ quan CSĐT không xác minh được người này nên không thu hồi được. Chị Vũ Thị N ( vợ bị cáo H) đã trả cho anh Ngô Văn Q số tiền bị cáo H nợ là 4.000.000đ.

Quá trình điều tra cơ quan điều tra xác định 01 sợi dây chuyền có mặt dây hình bông hoa; 01 chiếc nhẫn đeo tay đính 01 viên đá màu đỏ; 01 chiếc nhẫn đính 03 viên đá màu trắng là của chị Phạm Thị T2 (con gái bà N) gửi bà N giữ hộ nên đã trả lại số tài sản này cho chị T2. Trả lại xe mô tô BKS 35F9-9424 cho gia đình bị cáo H. Trả lại con dao nạo cho gia đình bà N sử dụng.

Bị cáo đã bồi thường cho ông Nguyễn Đức T1 số tiền 4.990.000đ ; bồi thường cho bà Trần Thị N và ông Phạm Quang T số tiền 4.000.000đ. Tại giai đoạn truy tố Vũ Hồng H giao nộp cho Viện kiểm sát nhân dân huyện K 01 huân chương kháng chiến hạng nhì, 02 giấy khen do Ủy ban hành chính huyện K, 02 giấy khen của Quân khu Hữu Ngạn tặng ông Vũ Văn C (Vũ Đình C) là bố đẻ của mình.

Bản cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 17/4/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Vũ Hồng H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo nội dung cáo trạng và đề nghị HĐXX:

-Tuyên bố: Vũ Hồng H về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, 54 và Điều 65 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo từ 03 tháng đến 05 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng. Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành án treo và thử thách.

- Căn cứ Điều 47 BLHS năm 2015; khoản 2, Điều 106 BLTTHS năm 2015; khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc bị cáo phải nộp 200.000<sup>d</sup> án phí HSST

+ Tịch thu tiêu hủy 01 thanh sắt ø18mm, dài 128cm; 01 mảnh gỗ KT 27 x 20 cm; 01 sim điện thoại Viettel bị bể gãy.

+ Trả lại số tiền 850.000đ thu của Vũ Hồng H và 4.000.000đ anh Ngô Văn Q giao nộp cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện K; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đã thực hiện đều hợp pháp.

[ 2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi vi phạm của mình thực hiện như tóm tắt nội dung vụ án của Tòa án; Lời khai nhận của bị cáo phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; còn được

chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét công khai tại phiên tòa hôm nay như bản kết luận giám định số 425/C54 ngày 29/01/2018 của Viện hoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát và kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 08/HĐ-ĐG ngày 08/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự và vật chứng thu giữ là 01 chiếc nhẫn đeo tay đính 01 viên đá màu đỏ; 01 chiếc nhẫn đính 03 viên đá màu trắng và 01 sợi dây chuyền.

[3] Từ những chứng cứ đó đã có đầy đủ cơ sở xác định khoảng 8 giờ ngày 11/01/2018, lợi dụng ông Phạm Quang T và bà Trần Thị N cư trú tại xóm 5, xã Đ, huyện K vắng nhà; bị cáo Vũ Hồng H đã lén lút vào nhà trộm cắp 01 sợi dây chuyền có mặt dây hình bông hoa, 01 chiếc nhẫn đeo tay có đính 01 viên đá màu đỏ, 01 chiếc nhẫn đeo tay có đính 03 viên đá màu trắng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony C3 tổng tài sản có giá trị là 5.759.220đ. Hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1, Điều 173 BLHS 2015.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi đó của bị cáo cần được xử lý tương xứng với hành vi phạm tội nhằm giáo dục cải tạo bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường ít nghiêm trọng; nhân thân của bị cáo tốt, không có tiền án tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục bồi thường toàn bộ thiệt hại xảy ra; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội gây hậu quả không lớn; là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, s, khoản 1 có bố để là người có công với cách mạng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 đủ điều kiện để áp dụng điều 54 BLHS 2015 xử dưới khung hình phạt đối với bị cáo khi lượng hình; xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ đủ điều kiện áp dụng điều 65 BLHS 2015 khi lượng hình cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục cải tạo bị cáo.

[5] Đối với các anh Nguyễn Đức D và Vũ Quốc L mua tài sản do bị cáo H bán ngay tình công khai, không biết tài sản đó do bị cáo trộm cắp mà có nên không phạm tội tiêu thụ do người khác phạm tội mà có nhưng cần nhắc nhở các anh thận trọng trong các tài sản giao dịch sau.

[6] Về trách nhiệm dân sự bị cáo đã bồi thường cho ông Nguyễn Đức T 1 số tiền 4.990.000đ; bồi thường cho bà Trần Thị N và ông Phạm Quang T số tiền 4.000.000đ những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nào khác, thiệt hại đã được bồi thường toàn bộ nên vấn đề này không xem xét lại. Đối với số tiền 4.000.000đ chị N trả cho anh Q đây là quan hệ dân sự vay tài sản riêng đã giải quyết xong giữa vợ chồng bị cáo và anh Q không liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với chiếc xe mô tô BKS 35F9-9424 chủ sở hữu mang tên Vũ Hồng H là tài sản chung của gia đình H không liên quan đến vụ án, căn cứ

khoản 2, Điều 47 BLHS 2015 và điểm a, khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015 Cơ quan điều tra đã trả lại cho gia đình H là phù hợp .

[8] Đối với 01 sợi dây chuyền có mặt dây hình bông hoa, 01 chiếc nhẫn đeo tay có đính 01 viên đá màu đỏ, 01 chiếc nhẫn đeo tay có đính 03 viên đá màu trắng là của chị Phạm Thị T2 sinh năm 1991 trú tại xóm 1, xã Đ con gái bà N gửi bà giữ hộ; căn cứ khoản 2, Điều 47 BLHS 2015 và điểm b, khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015 Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T2 là phù hợp.

[9] Đối với 01 con dao nạo là tài sản của gia đình bà N, căn cứ khoản 2, Điều 47 BLHS 2015 và điểm a, khoản 3 Điều 106 BLTTHS cơ quan điều tra đã trả lại cho bà N là phù hợp.

[10] Đối với 01 thanh sắt  $\varnothing 18\text{mm}$ , dài 128cm; 01 mảnh gỗ KT 27 x 20 cm; 01 sim điện thoại Viettel bị bể gãy là vật chứng không còn giá trị sử dụng căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 47 BLHS 2015 và điểm a, c, khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015 cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Đối với số tiền 850.000đ thu của Vũ Hồng H và 4.000.000đ do anh Ngô Văn Q giao nộp là tiền bị cáo bán tài sản do trộm cắp được mang đi trả nợ và còn lại; theo quy định cần trả lại cho người bị hại và người có quyền lợi liên quan nhưng do bị cáo đã chủ động sử dụng tài sản chung của gia đình khắc phục thiệt hại và hậu quả gây ra nên căn cứ khoản 2, Điều 47 BLHS 2105; điểm a, khoản, Điều 106 BLTTHS 2015 cần trả lại cho bị cáo số tiền 4.850.000đ này .

**Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1 và 2, Điều 51, 54 và Điều 65 BLHS năm 2015.

Căn cứ điểm a, khoản 1 và 2 Điều 47 BLHS năm 2015; Điểm a, c khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106, 136 BLTTHS năm 2015; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Vũ Hồng H phạm tội “Trộm cắp tài sản” .

**2. Xử phạt:** Bị cáo Vũ Hồng H 04 (bốn) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án 24/5/2018.

Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành án treo và thử thách.

**3.** Tịch thu tiêu hủy 01 thanh sắt  $\varnothing 18\text{mm}$ , dài 128cm; 01 mảnh gỗ KT 27 x 20 cm; 01 sim điện thoại Viettel bị gãy.

**4.** Trả lại số tiền 4.850.000đ đã thu giữ cho bị cáo Vũ Hồng H.

**5.** Buộc bị cáo Vũ Hồng H phải nộp 200.000đ tiền án phí sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Công an Huyện K;
- UBND xã Đ;
- Bị cáo; người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Lưu: HS&VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Thế Anh**